

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 261/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/10/2019.

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Lâm Sơn**.

2. Bà **Nguyễn Thị Hồng Huệ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là Thư ký Tòa án nhân dân Huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện C, tỉnh An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện C xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 705/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 365/QĐST – HNGĐ ngày 30/9/2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Lê Thị Thúy N**, sinh năm 1988. địa chỉ: ấp 2, xã B, Huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. **Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981. địa chỉ: ấp 1, xã K, Huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Lê Thị Thúy N** trình bày: Chị và anh **T** do mai mối được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2012, anh chị có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, Huyện C, tỉnh An Giang. Anh chị sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, anh **T** có quan hệ với người phụ nữ bên ngoài, hai

bên gia đình có dàn xếp nhưng không được, từ đó anh chị ly thân cho đến ngày hôm nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 10/4/2013; Nguyễn Đình P, sinh ngày 24/8/2015 và Nguyễn Đình V, sinh ngày 08/6/2017. Hiện các con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy N xác định không có.

- Về nợ chung: Chị Lê Thị Thúy N xác định không có.

Tòa án đã T báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ cho anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị Thúy N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Chị Lê Thị Thúy N khởi kiện anh Nguyễn Văn T cư trú ấp Kiến Quới 1, xã Kiến Thành, Huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân Huyện C thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị N và anh T sống chung với nhau vào năm 2012 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện C, tỉnh An Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh, chị bất đồng quan điểm sống, thường hay cự cãi, sống không hợp nhau, anh T có quan hệ người phụ nữ bên ngoài nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Chị và anh T không còn sống chung từ cuối năm 2017 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa chị N và anh T không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu ly hôn với anh T, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” Tại phiên tòa, chị N xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[3]. *Về con chung*: anh Chị có 03 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 10/4/2013; Nguyễn Đình P, sinh ngày 24/8/2015 và Nguyễn Đình V, sinh ngày 08/6/2017. Hiện các con chung đang sống chung với N. Khi ly hôn chị yêu cầu được

tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu K, cháu P, cháu V sống ổn định với chị N vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần, anh T cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu K, cháu P, cháu V cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con ; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Thúy N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung*: Chị Thúy N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về nợ chung*: Chị Thúy N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Thúy N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh T trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[7]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị Thúy N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 53, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thúy N.

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thúy N được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 182 ngày 02/7/2013 của Ủy ban nhân dân xã Long Điền B, Huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Chị Lê Thị Thúy N được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 10/4/2013; Nguyễn Đình P, sinh ngày 24/8/2015 và Nguyễn Đình V, sinh ngày 08/6/2017. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Thúy N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản anh Nguyễn Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị Thúy N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lê Thị Thúy N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ghi nhận chị Thúy N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị N và anh T thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Lê Thị Thúy N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0013425 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện C, tỉnh An Giang. Chị Lê Thị Thúy N không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn

